

Số: 2728/KL-STP

Quảng Bình, ngày 27 tháng 10 năm 2020

## KẾT LUẬN THANH TRA

### Về việc chấp hành pháp luật về công tác chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch tại UBND xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

Thực hiện Quyết định số 2335/QĐ-STP ngày 03/9/2020 của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về công tác chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch tại UBND xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; từ ngày 16/9/2020 đến ngày 17/9/2020, Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 2335/QĐ-STP đã tiến hành thanh tra công tác chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch tại UBND xã Cảnh Dương. Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 04/BC-ĐTTr ngày 10/2020 của Trưởng Đoàn Thanh tra, Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình kết luận như sau:

#### A. KHÁI QUÁT VỀ ĐỐI TƯỢNG THANH TRA

Xã Cảnh Dương là xã vùng biển, ở phía Bắc của huyện Quảng Trạch, gần Quốc lộ 1A, diện tích tự nhiên 156,19 ha; dân số 9.013 khẩu/2.243 hộ, được phân chia thành 9 thôn; ngành nghề chủ yếu là sản xuất ngư nghiệp (chiếm 70%), các ngành nghề khác như thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp (chiếm 30%). UBND xã đã bố trí 02 công chức Tư pháp - Hộ tịch, trình độ Cử nhân Luật tham mưu thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tư pháp, trong đó 01 công chức tham mưu công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, chứng thực, 01 công chức tham mưu công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, công tác hoà giải ở cơ sở, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm hành chính. UBND xã đã bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác tư pháp.

Công tác hộ tịch, chứng thực tại UBND xã Cảnh Dương được giải quyết theo cơ chế một cửa đảm bảo nhanh chóng, kịp thời, cơ bản đảm bảo đúng quy trình, thủ tục, thẩm quyền. Mức thu phí chứng thực, lệ phí hộ tịch được niêm yết công khai tại phòng giao dịch một cửa thuận tiện cho người dân đến giao dịch và tra cứu.

#### B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH VỀ TỪNG NỘI DUNG THANH TRA

##### I. CÔNG TÁC CHỨNG THỰC

##### 1. Việc triển khai nhiệm vụ chứng thực thuộc thẩm quyền, việc chấp hành các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục chứng thực

Từ ngày 01/01/2019 đến 31/7/2020, UBND xã Cảnh Dương đã thực hiện các loại việc chứng thực thuộc thẩm quyền như sau:

- Chứng thực bản sao từ bản chính: 10294 lượt;
- Chứng thực hợp đồng, giao dịch: 789 hợp đồng;

*U*

*S*

- Chứng thực chữ ký: 428 trường hợp;
- Số tiền thu được: 108.803.000 đồng.

a) Về ưu điểm

- UBND xã đã quan tâm tạo điều kiện, bố trí về nhân sự, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc để thực hiện công tác chứng thực.

- UBND xã đã bám sát các quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/12/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và các văn bản pháp luật khác có liên quan để thực hiện chứng thực.

- Đã mở đầy đủ các loại sổ (sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch; sổ chứng thực chữ ký/chứng thực điểm chỉ; sổ chứng thực bản sao từ bản chính) theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư 20/2015/TT-BTP; đã cập nhật, ghi chép đầy đủ, rõ ràng vào sổ chứng thực các loại việc phát sinh; đã khóa sổ khi kết thúc năm theo quy định.

- Hồ sơ lưu trữ tại UBND xã sắp xếp theo số thứ tự đã đăng ký trong sổ, theo từng loại việc, lời chứng cơ bản thực hiện theo mẫu quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, Thông tư 20/2015/TT-BTP và Thông tư 01/2020/TT-BTP.

b) Về tồn tại, hạn chế

- Về công tác sử dụng và quản lý các loại sổ:

Sổ chứng thực bản sao từ bản chính Quyển số 02/2018 + 01/2019 sử dụng không đúng màu mực, dùng nhiều loại mực là chưa thực hiện đúng hướng dẫn ghi sổ.

- Về chứng thực chữ ký: Kiểm tra 55 hồ sơ, năm 2019: 39 hồ sơ (gồm: 09, 11, 12, 13, 18, 22, 24, 25, 53, 54, 55, 56, 57, 59, 60, 85, 86, từ 132 đến 136, từ 194 đến 197, từ 279 đến 285, từ 387 đến 392); năm 2020: 16 hồ sơ (gồm 01, 02, 03, 10, 11, 14, 16, 26, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35).

+ Hầu hết hồ sơ chứng thực chữ ký được kiểm tra sử dụng mẫu lời chứng chưa phù hợp Khoản 2 Mục I Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Phụ lục mẫu lời chứng ban hành kèm theo Thông tư 20/2015/TT-BTP.

+ Hồ sơ số 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285/2019 có nội dung là hợp đồng ủy quyền nhưng thực hiện chứng thực chữ ký trên Giấy ủy quyền để thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 24, Khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.





- Về chứng thực hợp đồng, giao dịch: Kiểm tra 329 hồ sơ, năm 2019: 256 hồ sơ (gồm: 48, 49, 70, 84, 87, 178, từ 198 đến 204, từ 206 đến 214, từ 216 đến 224, 226, từ 230 đến 232, từ 234 đến 240, từ 242 đến 250, từ 252 đến 265, 267, 268, 270, 271, 274, 276, 277, 293, 303, 304, từ 351 đến 354, từ 356 đến 358, 399, 414, 418, 419, từ 422 đến 425, từ 427 đến 430, 436, từ số 442 đến 602); năm 2020: 73 hồ sơ (gồm: 03, 15, 22, 33, 51, từ số 63 đến 114, 117, 118, 125, 154, 162, 163, 164, từ 171 đến 176, 182, 183, 195).

+ Hồ sơ số 03, 49, 178, 219; 240, 244; 277; 304; từ 355 đến 357, 418, 422, 423, 425, 427, 436, 429, 565, 590/2019 sử dụng mẫu lời chứng chưa phù hợp với Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Hồ sơ số 66, từ 111 đến 124, 152, từ 162 đến 164, từ 171 đến 177/2020 sử dụng lời chứng không phù hợp quy định tại Khoản 1, Mục III phụ lục mẫu lời chứng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP.

+ Hồ sơ số 351, 353, 356, 424, 426, 427/2019 theo hồ sơ thông báo đăng ký mẫu dấu và chữ ký của BIDV Phòng Giao dịch Hòn La - Chi nhánh Bắc Quảng Bình (351, 353), Ngân hàng Thương mại CP Bưu điện Liên Việt (355, 424, 426)- chi nhánh Quảng Bình, Phòng Giao dịch Bắc Quảng Bình, Agribank - Chi nhánh huyện Quảng Trạch Bắc Quảng Bình - Phòng giao dịch Ròn (356, 427) được lưu trữ tại UBND xã thì có một số chức danh có đăng ký mẫu chữ ký nhưng UBND xã sử dụng mẫu lời chứng chung mà không ghi nhận việc đăng ký mẫu dấu, mẫu chữ ký và đã đối chiếu chữ ký trong hợp đồng, giao dịch với mẫu chữ ký, mẫu dấu đã đăng ký; và hầu hết nội dung phần lời chứng của hợp đồng thể chấp/văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thể chấp đều ghi "*Tại thời điểm chứng thực, các bên tham gia hợp đồng, giao dịch minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình; tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng và đã ký/điểm chỉ vào hợp đồng, giao dịch này trước mặt tôi*" là không phù hợp với Khoản 3 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+ Hồ sơ số 358, 425/2019; 152/2020 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Tại gạch ngang thứ 3, Điều 6 có nội dung "*Nếu một trong hai bên đơn phương chấm dứt hợp đồng với bất kỳ lý do gì thì sẽ phải thực hiện bồi thường, phạt cọc cho hai bên còn lại theo quy định của pháp luật*" không phù hợp với nội dung của hợp đồng, vì đây là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trong hợp đồng không có nội dung thỏa thuận, giao kết việc đặt cọc để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

+ Hồ sơ số 26, 70, 84, 87, từ 199 đến 203, 206, từ 210 đến 213, từ 220, 239, 241, 243, 249, 252, 253, 255, 258, 260, 262, 264, 270, 271, 399, 412, 414, 415, 418, 419, 444, 451, 524, 544, 545, 561, 579/2019; 03, 67, 73, 78, 90, 97, 98, 115, 163/2020: Các giấy tờ phải nộp trong hợp đồng, giao dịch lưu thiếu thành phần hồ sơ như bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá... là chưa phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 36 Nghị định 23/2015/NĐ-CP.

+ Hồ sơ số 44, 267, 268, 497, 500, 557, 599/2019: Thực hiện sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch chưa phù hợp với quy định tại Điều 39 Nghị định 23/2015/NĐ-CP.

+ Hồ sơ số 271/2019 lời chứng văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ghi sai thông tin người đại diện theo pháp luật của bên nhận thế chấp là chưa thực hiện đúng quy định tại Điểm a, Khoản 4, Mục I Phụ lục Mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+ Một số hồ sơ vào sổ chứng thực bị trùng số: Năm 2019 có 02 hồ sơ số 202, 02 hồ sơ số 204, 02 hồ sơ số 270 và 02 hồ sơ số 271 là chưa thực hiện đúng quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+ Hồ sơ số 353/2019; 155, 166, 170/2020 thế chấp tài sản là nhà ở nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo quy định nhưng vẫn thực hiện chứng thực là chưa phù hợp với Điểm a Khoản 1 Điều 118 Luật Nhà ở.

+ Hồ sơ số 70, 264/2019 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng chưa được xóa thế chấp nhưng vẫn thực hiện chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 8 Điều 320 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Hồ sơ số 182, 195/2020 sử dụng sổ hộ khẩu thay cho giấy tờ hộ tịch để chứng minh mối quan hệ vợ chồng là chưa phù hợp với quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình và Khoản 7 Điều 4 Luật Hộ tịch.

+ Hồ sơ số 423, 436, 429/2019; 03, 158, 173, 176/2020: Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thiếu giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản theo quy định của pháp luật về thừa kế. Nội dung văn bản chưa thể hiện ý chí của người được tặng cho phần di sản đồng ý nhận và nhập vào phần di sản mình được hưởng, tài sản của mình.

+ Hồ sơ số 22/2020 không có giấy tờ chứng minh tài sản riêng khi thực hiện việc chuyển nhượng tài sản trong thời kỳ hôn nhân là chưa phù hợp với Điểm c, Khoản 1, Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+ Một số trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất đều chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và chứng thực hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản thế chấp là chưa phù hợp với Khoản 7 Điều 323 và Khoản 6 Điều 320 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 (Khoản 7 Điều 323 quy định bên nhận thế chấp có quyền xử lý tài sản khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 299 BLDS; Khoản 6 Điều 320 quy định bên thế chấp có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý khi thuộc một trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 299 BLDS); gây phiền hà trong thực hiện thủ tục vay vốn và làm tăng chi phí cho người vay vốn (Hồ sơ số 351, 352/2019; 154, 155, 156, 157; 165, 166, 167, 168/2020).

## **2. Việc triển khai Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ; việc thông báo mẫu chữ ký của người thực hiện chứng thực**

Để triển khai thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ, UBND xã đã chỉ đạo công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa của UBND xã khi thực hiện tiếp nhận, thụ lý hồ sơ TTHC, nếu cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện TTHC nộp bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực thì không được yêu cầu xuất trình bản chính để đối

*th*

*3*

chiếu; trường hợp nộp bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm bản chính thì công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tự kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính mà không được yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp bản sao có chứng thực.

Thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ, UBND xã đã thực hiện thông báo mẫu chữ ký của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã thực hiện chứng thực theo quy định.

## **II. CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ VÀ QUẢN LÝ HỘ TỊCH**

### **1. Triển khai kế hoạch 269/KH-UBND ngày 20/3/2015 của UBND tỉnh**

Để tiếp tục thực hiện kế hoạch số 269/KH-UBND ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND xã đã chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch tham mưu thực hiện đầy đủ các nội dung theo kế hoạch, chỉ đạo bộ phận chuyên môn khác phối hợp cùng công chức Tư pháp - Hộ tịch để thực hiện tốt các quy định của Luật Hộ tịch. Đã tổ chức 01 hội nghị, phát 4 tin bài về Luật Hộ tịch cho nhân dân trên địa bàn xã. Cơ sở vật chất được trang bị đầy đủ phục vụ cho việc cập nhật phần mềm quản lý hộ tịch. Công chức Tư pháp - Hộ tịch tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về công tác hộ tịch do Sở Tư pháp tổ chức. Việc triển khai phần mềm quản lý hộ tịch được thực hiện có hiệu quả. Công tác phối hợp với các địa phương khác trong việc xác minh các sự kiện hộ tịch được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

### **2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ đăng ký và quản lý hộ tịch**

Từ ngày 01/01/2019 đến 31/7/2020 UBND xã Cảnh Dương đã thực hiện các loại việc hộ tịch thuộc thẩm quyền như sau:

- Đăng ký khai sinh: 397 trường hợp;
- Đăng ký khai tử: 101 trường hợp;
- Đăng ký kết hôn: 87 trường hợp;
- Xác nhận TTHN: 190 trường hợp;
- Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 02 trường hợp.
- Lệ phí thu được: 14.584.000đ.

#### **a) Ưu điểm**

- UBND xã đã quan tâm tạo điều kiện, bố trí về nhân sự, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc để thực hiện công tác đăng ký hộ tịch.

- UBND xã đã bám sát các quy định của Luật Hộ tịch, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và các văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện đăng ký hộ tịch.

- Đã mở và cập nhật đầy đủ các loại sổ hộ tịch (Sổ đăng ký khai sinh, Sổ đăng ký khai tử, Sổ đăng ký kết hôn, Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch...) theo quy định tại Thông tư số 15/2015/TT-BTP và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

*Ưm*

*Ưm*

*Ưm*

- Hồ sơ lưu trữ tại UBND xã cơ bản sắp xếp theo số thứ tự đã đăng ký trong sổ; lưu trữ theo từng loại việc.

b) Tồn tại, thiếu sót

- Về sổ đăng ký hộ tịch:

+ Việc khóa các loại Sổ hộ tịch chưa phù hợp với Khoản 2 Điều 58 Luật Hộ tịch; Khoản 2, Khoản 3 Điều 27 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

+ Sổ Đăng ký khai sinh, Sổ Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân sử dụng nhiều màu mực là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

- Về hồ sơ hộ tịch:

+ Hầu hết hồ sơ đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, hồ sơ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, hồ sơ đăng ký kết hôn, hồ sơ đăng ký khai tử được kiểm tra không lưu bản chụp kết quả giải quyết là chưa phù hợp quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 71 Luật Hộ tịch.

+ Hồ sơ đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh: Kiểm tra 60 hồ sơ, năm 2019: 45 hồ sơ (từ 01 đến 45), năm 2020: 15 hồ sơ (từ 01 đến 15).

Hồ sơ số 01, 06, 07, 12, 14, 16, 24, 32, 35, 41/2019 đăng ký khai sinh lưu thiếu bản chính giấy chứng sinh, hoặc một trong các giấy tờ thay thế giấy chứng sinh như: Văn bản xác nhận về việc sinh, giấy cam đoan về việc sinh của người làm chứng và lưu Bản sao Giấy chứng sinh là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 16 Luật Hộ tịch và Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

Hồ sơ số 17, 42/2019; 02/2020 đăng ký lại khai sinh chưa có giấy tờ chứng minh mối quan hệ cha, mẹ, con là chưa phù hợp với Điểm đ Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

Hồ sơ số 10/2019 không có giấy ủy quyền của người đi làm thay (ông nội đi khai sinh cho cháu) là chưa phù hợp với Điều 2 Thông tư 15/2015/TT-BTP.

+ Hồ sơ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: Kiểm tra 146 hồ sơ, năm 2019: 90 hồ sơ (từ 51 đến 140); năm 2020: 56 hồ sơ (từ 01 đến 56).

Hồ sơ số 64, 65, 66, 67, 70, 72, 82, 84, 95, 107, 109, 112, 117, 120, 121, 128, 132, 133, 135, 139, 140/2019; 05, 10, 25, 42, 50/2020: Tại mục "Tình trạng hôn nhân" và mục "giấy này cấp để" ở phần ghi Tờ khai và Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ghi thừa nội dung "lần nào" và "địa chỉ thường trú của người dự định kết hôn" hoặc chưa ghi nơi dự định kết hôn là chưa thực hiện đúng quy định tại Khoản 3 và Khoản 5 Điều 25 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

+ Hồ sơ đăng ký kết hôn: Kiểm tra 86 hồ sơ, năm 2019: 65 hồ sơ (từ số 02 đến số 66); năm 2020: 21 hồ sơ (từ số 01 đến số 21).

Lưu thiếu hồ sơ 01/2019 là chưa phù hợp với Điểm g Khoản 1 Điều 71 Luật Hộ tịch. Hồ sơ 08/2019 đăng ký lại kết hôn lưu thiếu Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp trước đây hoặc bản sao hồ sơ, giấy tờ cá nhân có các thông tin liên quan đến nội dung đăng ký kết hôn là chưa phù hợp với Điểm b Khoản 1 Điều 27 Nghị định 123/2015/NĐ-CP.

*th*

*th*  
*5*

Hồ sơ số 11/2020 giấy tờ tùy thân (CMND), sổ hộ khẩu của bên nữ là Nguyễn Thị Vân Anh, nhưng trong trích lục bản án, quyết định Dân sự số 19/TLA ngày 03/4/1999 của TAND huyện Quảng Trạch về công nhận thuận tình ly hôn thì tên Nguyễn Thị Anh. Ngoài ra không có giấy tờ chứng minh bà Nguyễn Thị Vân Anh và bà Nguyễn Thị Anh là một người.

+ Đăng ký khai tử: Kiểm tra 90 hồ sơ, năm 2019: 71 hồ sơ (từ 01 đến 71); năm 2020: 19 hồ sơ (từ 01 đến 19).

Hồ sơ số 06, 62/2019 đăng ký khai tử ghi nơi chết là Bệnh viện, hồ sơ số 26, 55/2019 ghi nơi chết thuộc địa bàn xã khác nhưng chưa có Giấy báo tử hoặc Giấy tờ khác thay thế giấy báo tử là chưa phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 34 Luật Hộ tịch, Khoản 2 Điều 2, Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

Hồ sơ đăng ký lại khai tử số 56/2019 chưa có giấy tờ chứng minh đủ điều kiện đăng ký lại khai tử theo Khoản 1 Điều 34 Luật Hộ tịch, Công văn 1727b/HTQTCT-HT ngày 27/12/2016 của Cục chứng thực, hộ tịch hướng dẫn về Đăng ký khai tử.

## C. KẾT LUẬN

### I. ƯU ĐIỂM

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, UBND xã Cảnh Dương đã bám sát và cơ bản tuân thủ các quy định của Luật Hộ tịch, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp; Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 20/2015/TT-BTP, Thông tư 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp và các quy định khác của pháp luật có liên quan để thực hiện nhiệm vụ đăng ký, quản lý hộ tịch, chứng thực hợp đồng, giao dịch, chứng thực chữ ký, chứng thực bản sao từ bản chính. Đã quan tâm về cơ sở, vật chất, phương tiện làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai công tác tư pháp ở địa phương. Đã thực hiện nghiêm yết các TTHC theo quy định.

Đã làm tốt công tác tuyên truyền về Luật Hộ tịch và các văn bản có liên quan. Đã thực hiện việc thông báo mẫu chữ ký của người thực hiện chứng thực theo quy định.

Nhìn chung, hoạt động chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch của UBND xã Cảnh Dương đã cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn giải quyết theo luật định. Hồ sơ giải quyết cơ bản đảm bảo đầy đủ các giấy tờ cần thiết, hợp lệ. Đã mở các loại Sổ chứng thực và các loại Sổ hộ tịch theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 20/2015/TT-BTP; Nghị định số 123/2015/NĐ-CP và Thông tư số 15/2015/TT-BTP. Sổ ghi chép sạch sẽ, rõ ràng, cập nhật đầy đủ các loại việc phát sinh, đã đóng dấu giáp lai và khóa sổ khi kết thúc năm theo quy định. Hồ sơ lưu trữ cơ bản đầy đủ và sắp xếp theo từng loại việc.

### II. TỒN TẠI, THIẾU SÓT

#### 1. Công tác chứng thực

- Sổ chứng thực bản sao từ bản chính Quyển số 02/2018 + 01/2019 viết không đúng màu mực, dùng nhiều loại mực.

*Handwritten mark*

*Handwritten mark*

*Handwritten mark*

- Về chứng thực chữ ký: Hầu hết hồ sơ chứng thực chữ ký được kiểm tra sử dụng mẫu lời chứng chưa phù hợp; một số hồ sơ có nội dung là hợp đồng ủy quyền nhưng thực hiện chứng thực chữ ký trên Giấy ủy quyền.

- Về chứng thực hợp đồng, giao dịch: Một số hồ sơ sử dụng mẫu lời chứng chưa phù hợp; một số hồ sơ chứng thực hợp đồng, giao dịch với ngân hàng có một số chức danh đã đăng ký mẫu chữ ký, mẫu dấu nhưng UBND xã sử dụng mẫu lời chứng chung; có 03 hồ sơ là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có thỏa thuận bồi thường, phạt cọc nhưng nội dung không giao kết về đặt cọc; một số hồ sơ lưu thiếu các giấy tờ phải nộp, thực hiện sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch chưa phù hợp; hồ sơ số 271/2019 lời chứng ghi sai thông tin người đại diện theo pháp luật của bên nhận thế chấp; một số hồ sơ vào sổ bị trùng số hoặc thế chấp tài sản là nhà ở nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở nhưng vẫn thực hiện chứng thực; hồ sơ số 70, 264/2019 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng chưa được xóa thế chấp nhưng vẫn thực hiện chứng thực; hồ sơ số 182, 195/2020 sử dụng sổ hộ khẩu thay cho giấy tờ hộ tịch; một số văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thiếu giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản, nội dung văn bản chưa thể hiện ý chí của người được tặng cho phần di sản đồng ý nhận và nhập vào phần di sản mình được hưởng, tài sản của mình; hồ sơ số 22/2020 không có giấy tờ chứng minh tài sản riêng; một số trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất đều chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và chứng thực hợp đồng ủy quyền xử lý tài sản thế chấp là chưa phù hợp.

## 2. Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch

Việc chốt các loại Sổ hộ tịch chưa phù hợp; Sổ Đăng ký khai sinh, Sổ Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân viết nhiều màu mực; hầu hết hồ sơ đăng ký hộ tịch không lưu bản chụp kết quả giải quyết; một số hồ sơ đăng ký khai sinh lưu thiếu bản chính giấy chứng sinh hoặc một trong các loại giấy tờ thay thế giấy chứng sinh và lưu Bản sao Giấy chứng sinh; hồ sơ số 17, 42/2019, 02/2020 đăng ký lại khai sinh chưa có giấy tờ chứng minh mối quan hệ cha, mẹ, con; hồ sơ số 10/2019 không có Giấy ủy quyền của người đi làm thay; một số hồ sơ đăng ký khai sinh: Tại mục "Tình trạng hôn nhân" và mục "giấy này cấp để" ở phần ghi Tờ khai và Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ghi thừa hoặc thiếu nội dung là chưa thực hiện đúng quy định; lưu thiếu hồ sơ 01/2019; hồ sơ 08/2019 đăng ký lại kết hôn lưu thiếu thành phần hồ sơ; hồ sơ số 11/2020 giấy tờ tùy thân, sổ hộ khẩu của bên nữ là Nguyễn Thị Vân Anh nhưng trong Trích lục bản án, quyết định của TAND huyện Quảng Trạch là Nguyễn Thị Anh và không có giấy tờ chứng minh bà Nguyễn Thị Vân Anh và bà Nguyễn Thị Anh là một người; hồ sơ số 06, 62/2019 đăng ký khai tử chưa có Giấy báo tử hoặc giấy tờ khác thay thế Giấy báo tử; hồ sơ số 56/2019 đăng ký lại khai tử chưa có giấy tờ chứng minh đủ điều kiện đăng ký lại khai tử.

## III. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, CÁ NHÂN CÓ VI PHẠM

Qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu tại UBND xã Cảnh Dương cho thấy Lãnh đạo UBND xã đã quan tâm đến công tác chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch, đã bố trí 02 công chức làm công tác Tư pháp - Hộ tịch, trong đó có 01 công chức đảm

*lh*

*5*

nhận nhiệm vụ tham mưu công tác chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch, đã tạo điều kiện để họ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Quá trình thực hiện nhiệm vụ chứng thực và đăng ký quản lý hộ tịch, UBND xã cơ bản tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục và thời hạn luật định. Luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, thiếu sót như đã nêu tại Điểm b, Khoản 1, Mục I, Điểm b, Khoản 2, Mục II, Phần B và Mục II, Phần C Kết luận này.

Các tồn tại, thiếu sót của UBND xã Cảnh Dương là những thiếu sót phổ biến, thường gặp và chưa phát sinh hậu quả pháp lý cho các bên liên quan. Các thiếu sót này chưa đến mức phải xử lý theo quy định của pháp luật. Đoàn Thanh tra đã nhắc nhở để địa phương chủ động khắc phục những thiếu sót đã nêu, đồng thời, rút kinh nghiệm khi thực hiện nhiệm vụ trong thời gian tới.

UBND xã Cảnh Dương đã thừa nhận những tồn tại, thiếu sót, tiếp thu các ý kiến góp ý trao đổi mà Đoàn Thanh tra đã chỉ ra và xin khắc phục các tồn tại, thiếu sót, rút kinh nghiệm trong thời gian đến.

## **D. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG; KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

### **1. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã được áp dụng**

Sở Tư pháp (cụ thể Đoàn Thanh tra) đã nhắc nhở, trao đổi trực tiếp để UBND xã Cảnh Dương biết, chủ động khắc phục những thiếu sót mà Đoàn Thanh tra đã nêu và rút kinh nghiệm trong quá trình hoạt động của UBND xã trong thời gian tới.

### **2. Kiến nghị biện pháp xử lý: Không.**

## **E. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **I. ĐỐI VỚI UBND HUYỆN QUẢNG TRẠCH**

Đề nghị UBND huyện Quảng Trạch chỉ đạo phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch tăng cường kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ công tác tư pháp cho UBND cấp xã trên địa bàn, tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch. Chỉ đạo UBND xã Cảnh Dương chấn chỉnh những tồn tại, thiếu sót được phát hiện qua công tác thanh tra. Tiếp tục quan tâm bố trí kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị làm việc cho hoạt động tư pháp ở cơ sở.

### **II. MỘT SỐ YÊU CẦU ĐỐI VỚI PHÒNG TƯ PHÁP HUYỆN QUẢNG TRẠCH VÀ UBND XÃ CẢNH DƯƠNG**

#### **1. Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch**

Tăng cường tham mưu cho UBND cùng cấp thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức tư pháp - hộ tịch, không ngừng nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch trên địa bàn.

Tăng cường kiểm tra công tác tư pháp ở cơ sở. Tiếp tục tham mưu UBND huyện quan tâm bố trí kinh phí, cơ sở vật chất, đồng thời chỉ đạo UBND cấp xã quan tâm hơn nữa công tác tư pháp.

## 2. UBND xã Cảnh Dương

Tiếp tục phát huy những ưu điểm đạt được, sau thanh tra, yêu cầu UBND xã tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm trách nhiệm của cá nhân có liên quan, chỉ đạo thực hiện các giải pháp khắc phục tồn tại thiếu sót; tiếp tục quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí để nâng cao hiệu quả công tác này. Tăng cường chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch tham mưu thực hiện tốt nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Lãnh đạo UBND xã Cảnh Dương cần rút kinh nghiệm, kịp thời chỉ đạo khắc phục kết luận thanh tra; thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của công chức Tư pháp - Hộ tịch để việc triển khai nhiệm vụ công tác tư pháp đạt hiệu quả cao hơn.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Cảnh Dương: Phát huy ưu điểm, kịp thời khắc phục những tồn tại, thiếu sót. Tăng cường nghiên cứu, học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để tham mưu giúp UBND xã thực hiện nhiệm vụ đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục luật định.

Trên đây là Kết luận thanh tra về việc chấp hành pháp luật về chứng thực, đăng ký và quản lý hộ tịch tại UBND xã Cảnh Dương. Sở Tư pháp yêu cầu UBND xã Cảnh Dương khắc phục các tồn tại, thiếu sót đã nêu tại Điểm b, Khoản 1, Mục I, Điểm b, Khoản 2, Mục II Phần B và Mục II, Phần C, Khoản 2, Mục II, Phần E Kết luận này, báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở Tư pháp trước ngày **30/12/2020**.

Nơi nhận: *HT*

- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Cục HT,QT,CT (BTP);
- Thanh tra tỉnh;
- UBND huyện Quảng Trạch;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng Hành chính Tư pháp;
- Phòng Tư pháp huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Cảnh Dương;
- Lưu VT-HSTT.

GIÁM ĐỐC



*Trần Chí Tiến*  
Trần Chí Tiến